

Bản án số: 03/2024/HS-ST

Ngày: 05/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Bắc

Thẩm phán: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Việt

Ông Nguyễn Ngọc Cang

Ông Trần Quốc Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2023, 05/01/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 132/2023/TLST-HS ngày 20/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 140/2023/QĐXXST-HS ngày 11/12/2023 đối với:

Bị cáo: **Trần Phước Đ**, sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 1052 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: P, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật; Con ông Trần Vĩnh T (sinh năm 1966) và bà Huỳnh Kim H (sinh năm 1968); là con út trong gia đình có 02 chị em. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/01/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt)

* *Bị hại:* Ông Dương Văn N, sinh năm 1966; Địa chỉ: I X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

* *Người bào chữa:* Bà Bùi Thị H1 và bà Hoàng Thị V – Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị H2, sinh năm 1971; Địa chỉ: I X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2022, Trần Phước Đ thường xuyên đến tiệm C của ông Dương Văn N tại I X, phường T, thành phố V để cầm cố trang sức bằng vàng, tạo được niềm tin với ông N. Đ nảy sinh ý định mua trang sức bằng kim loại mạ vàng mang đến cầm cố cho ông N để lấy tiền trả nợ. Đại đến chợ T1 Quận A, chợ H3 huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng V1 tại Ki ốt số 15, A N, thành phố V để mua trang sức bằng kim loại mạ vàng. Căn cứ sổ theo dõi hợp đồng cầm đồ, hợp đồng cầm đồ và những đồ vật do ông Dương Văn N cung cấp, đủ căn cứ xác định Trần Phước Đ đã 10 lần mang kim loại mạ vàng đến tiệm C cầm cố, cụ thể:

1. Ngày 17/12/2022, Đ cầm cố 01 dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 30,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ in chìm “610TKY” theo cùi số 5596, chiếm đoạt 22.000.000 đồng.

2. Ngày 30/12/2022, Đ cầm cố 01 dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 32,77 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “TJK610” và 01 vòng đeo tay theo hợp đồng và cùi số 5681, chiếm đoạt 36.000.000 đồng. Chiều tối cùng ngày, Đ chuộc vòng đeo tay, trả lại cho ông N 14.000.000 đồng.

3. Ngày 02/01/2023, Đ cầm cố 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 45,83 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 hạt màu xanh lá cây và nhiều hạt màu trắng, khối lượng 8,99 gam theo cùi số 5706, chiếm đoạt 38.000.000 đồng.

4. Ngày 05/01/2023, Đ cầm cố 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 38,27 gam, mặt trong có dòng chữ in chìm “TTK610” và “18K”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 58,47 gam, mặt trong gắn móc khoá có dòng chữ in chìm “TTK610” theo hợp đồng và cùi số 5719, chiếm đoạt 70.000.000 đồng.

5. Ngày 07/01/2023, Đ cầm cố 01 dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 13,05 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610”; 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 12,49 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610” “PTSJ” theo hợp đồng và cùi số 5731, chiếm đoạt 18.000.000 đồng.

6. Ngày 08/01/2023, Đ cầm cố 01 vòng dây chuyền bằng các hạt tròn bằng kim loại màu vàng và màu trắng, khối lượng 44,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “CN ITALY” “SKJ 925”; 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 19,52 gam và 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 17,69 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “T.PHAT” theo 02 hợp đồng và cùi số 5737, chiếm đoạt 58.000.000 đồng.

7. Ngày 09/01/2023, Đ cầm cố 01 nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng 7,24 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ610” theo cùi số 5746, chiếm đoạt 5.500.000 đồng.

8. Ngày 15/01/2023, Đ cầm cố 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi bốn hình rồng, khối lượng 51,98 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi ba hình rồng, khối lượng 91,00 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”; 01 dây chuyền bằng vàng thật theo 02 hợp đồng và cùi số 5786, 5790, chiếm đoạt tổng

số 105.000.000 đồng. Cùng ngày, Đ đã chuộc dây chuyền trả lại cho ông N 25.000.000 đồng.

9. Ngày 16/01/2023, Đ cầm cố 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi chữ “V” và “L”, khối lượng 37,95 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 31,66 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610” “18K”; 01 dây chuyền tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 21,96 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610” theo hợp đồng và cùi số 5793, chiếm đoạt 56.000.000 đồng.

10. Ngày 17/01/2023, Đ cầm cố 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 16,91 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 10,53 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 31,60 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 11,24 gam, 01 dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 32,43 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng 41,68 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610” “GJ” và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 36,22 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610” theo hợp đồng và cùi số 6799, chiếm đoạt 145.000.000 đồng.

Tổng cộng, Đ đã 10 lần lừa dối cầm cố trang sức là vàng giả để chiếm đoạt của ông N số tiền 553.500.000 đồng.

Ngày 19/01/2023, ông N phát hiện số vàng Đ đã cầm cố là giả nên đã trình báo Công an. Khi Đ tiếp tục mang vàng giả đến cầm cố thì bị Công an phường T, thành phố V giữ lại làm việc. Đ đã bồi thường cho ông N 139.000.000 đồng.

*** Kết luận giám định:**

Tại Kết luận giám định số 2271/KL-KTHS ngày 11/4/2023, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C1 kết luận: 01 (một) nhẫn kim loại Đ mang đến cầm cố vào ngày 02/01/2023 có thành phần hàm lượng vàng: 62,57%; hàm lượng đồng: 26,4%, hàm lượng bạc: 6,34%, hàm lượng kẽm: 4,7%. Những mẫu còn lại đều có hàm lượng chính là bạc (A), được mạ bên ngoài một lớp vàng (A) rất mỏng, không xác định được hàm lượng vàng.

*** Vật chứng của vụ án:**

- Thu giữ của Trần Phước Đ 01 điện thoại di động iPhone, Imei: 356457101813246;

- Vật chứng thu giữ tại tiệm C:

+ 03 sổ theo dõi hợp đồng cầm đồ của tiệm cầm đồ Hải Nam từ ngày 02/12/2022 đến ngày 17/01/2023;

+ Và:

1. 01 dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 30,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ in chìm “610TKY”.

2. 01 dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 32,77 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “TJK610”.

3. 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 45,83 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”; 01 nhẫn bằng kim loại màu

vàng, có gắn 01 hạt màu xanh lá cây và nhiều hạt màu trắng, khối lượng 8,99 gam.

4. 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 38,27 gam, mặt trong có dòng chữ in chìm “TTK610” và “18K”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 58,47 gam, mặt trong gần móc khoá có dòng chữ in chìm “TTK610”.

5. 01 dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 13,05 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610”; 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 12,49 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610” “PTSJ”.

6. 01 vòng dây chuyền bằng các hạt tròn bằng kim loại màu vàng và màu trắng, khối lượng 44,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “CN ITALY” “SKJ 925”; 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 19,52 gam và 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 17,69 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “T.PHAT”.

7. 01 nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng 7,24 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ610”.

8. 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi bốn hình rồng, khối lượng 51,98 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi ba hình rồng, khối lượng 91,00 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”;

9. 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi chữ “V” và “L”, khối lượng 37,95 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 31,66 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610” “18K”; 01 dây chuyền tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 21,96 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”.

10. 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 16,91 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 10,53 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 31,60 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 11,24 gam, 01 dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 32,43 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng 41,68 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” “GJ” và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 36,22 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”.

* Về trách nhiệm dân sự: Đ đã bồi thường cho ông N số tiền 139.000.000 đồng. Ông N yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 414.500.000 đồng.

2. Tại Cáo trạng số 114/CT-VKSBRVT-P2 ngày 31/10/2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Trần Phước Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

3. Tại phiên tòa, trong bản luận tội vị đại diện Viện Kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Phước Đ

phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Phước Đ mức án 10 (Mười) – 12 (Mười hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo Trần Phước Đ bồi thường 414.500.000 đồng cho bị hại Dương Văn N.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung công quỹ các trang sức giả vàng là công cụ bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội; trả lại cho bị cáo Trần Phước Đ điện thoại iPhone là tài sản không liên quan đến tội phạm; trả lại cho bị hại Dương Văn N 03 sổ theo dõi hợp đồng cầm đồ của tiệm cầm đồ H.

4. Đối đáp và tranh luận tại phiên tòa:

4.1. Luật sư Bùi Thị H1 và Hoàng Thị V phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo:

Nhất trí với tội danh Viện Kiểm sát truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử lưu tâm đánh giá tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó đặc biệt lưu tâm đến hoàn cảnh, điều kiện bị cáo phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: bị cáo vay nợ để làm dịch vụ ăn uống, nhưng thất bại do đại dịch covid, bị các chủ nợ săn tìm đòi nợ, thúc ép trả nợ nên túng quẫn làm liều lấy tiền trả nợ; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra phát hiện tội phạm; đã tích cực bồi thường thiệt hại cho bị hại và đang tiếp tục liên lạc nhờ gia đình và người thân bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bản thân bị cáo bị nhiễm HIV/AIDS suy thận độ 4 rất nặng cần được chăm sóc điều trị.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất thể hiện tính nhân văn, sự khoan hồng của pháp luật khiến bị cáo tâm phục khẩu phục, có cơ hội điều trị bệnh, cải tạo thành công dân tốt có ích cho xã hội.

4.2. Bị cáo Trần Phước Đ thống nhất theo quan điểm bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

4.3. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại.

4.4. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

5. Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Phước Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Từ ngày 17/12/2022 đến ngày 19/01/2023, Trần Phước Đ đã nhiều lần mua trang sức bằng kim loại mạ một lớp vàng, giả là vàng thật tại các chợ ở Thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng V1 tại Vũng Tàu, 10 lần mang đến tiệm C tại I X, phường T, thành phố V của ông Dương Văn N cầm cố, chiếm đoạt của ông N tổng cộng 553.500.000 đồng, tiêu xài và trả nợ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Phước Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đúng như truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Là công dân trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ, phải tôn trọng, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, trả nợ, bị cáo cố tình mua trang sức bằng kim loại mạ vàng mang đến cầm cố tại tiệm cầm đồ của bị hại, đưa ra thông tin gian dối là vàng thật khiến bị hại tưởng giả là thật, đưa tiền cầm cố theo giá trị vàng thật cho bị cáo, và bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 553.500.000 đồng. Vì vậy, phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, để đảm bảo tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa chung, đồng thời nêu cao tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại 139.000.000 đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhiễm HIV/AIDS, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

[5.1] Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với mức yêu cầu bồi thường do bị hại nêu ra tại phiên tòa, tiếp tục bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại là ông Dương Văn N 414.500.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[5.2.] Thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án trên cơ sở tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến lợi ích Nhà nước và lợi ích chung của xã hội, cộng đồng hay người thứ ba, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; trên cơ sở các Điều 584, 585, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

[6.1] Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước công cụ phạm tội:

- 01 (Một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 30,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ in chìm “610TKY”.

- 01 (Một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 32,77 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “TJK610”.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 45,83 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 hạt màu xanh lá cây và nhiều hạt màu trắng, khối lượng 8,99 gam.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 38,27 gam, mặt trong có dòng chữ in chìm “TTK610” và “18K”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 58,47 gam, mặt trong gần móc khoá có dòng chữ in chìm “TTK610”.

- 01 (Một) dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 13,05 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610”; 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 12,49 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610” “PTSJ”.

- 01 (Một) vòng dây chuyền bằng các hạt tròn bằng kim loại màu vàng và màu trắng, khối lượng 44,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “CN ITALY” “SKJ 925”; 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 19,52 gam và 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 17,69 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “T.PHAT”.

- 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng 7,24 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ610”.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi bốn hình rồng, khối lượng 51,98 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi ba hình rồng, khối lượng 91,00 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”;

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi chữ “V” và “L”, khối lượng 37,95 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610”; 01 vòng đeo tay bằng

kim loại màu vàng, khối lượng 31,66 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610” “18K”; 01 dây chuyền tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 21,96 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 16,91 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 10,53 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 31,60 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 11,24 gam, 01 dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 32,43 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng 41,68 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610” “GJ” và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 36,22 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”.

[6.2] Trả lại cho bị cáo Trần Phước Đ 01 (Một) điện thoại iPhone, IMEI 356457101813246;

[6.3] Trả lại cho bị hại ông Dương Văn N 03 (Ba) sổ theo dõi hợp đồng cầm đồ của tiệm cầm đồ Hải Nam từ ngày 02/12/2022 đến ngày 17/1/2023.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo luật định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Phước Đ phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Phước Đ 11 (Mười một) năm tù, tính từ ngày 20/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Trần Phước Đ tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại ông Dương Văn N 414.500.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (Một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 30,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ in chìm “610TKY”.

- 01 (Một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng xoắn, khối lượng 32,77 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “TJK610”.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 45,83 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 hạt màu xanh lá cây và nhiều hạt màu trắng, khối lượng 8,99 gam.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 38,27 gam, mặt trong có dòng chữ in chìm “TTK610” và “18K”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 58,47 gam, mặt trong gần móc khoá có dòng chữ in chìm “TTK610”.

- 01 (Một) dây chuyền dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 13,05 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610”; 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 12,49 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “AU610” “PTSJ”.

- 01 (Một) vòng dây chuyền bằng các hạt tròn bằng kim loại màu vàng và màu trắng, khối lượng 44,87 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “CN ITALY” “SKJ 925”; 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 19,52 gam và 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 17,69 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “T.PHAT”.

- 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng 7,24 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ610”.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi bốn hình rồng, khối lượng 51,98 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi ba hình rồng, khối lượng 91,00 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” và “TTP”;

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, in nổi chữ “V” và “L”, khối lượng 37,95 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610”; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 31,66 gam, mặt trong có dòng chữ “PPJ.610” “18K”; 01 dây chuyền tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 21,96 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”.

- 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 16,91 gam, phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay dạng xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 10,53 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 31,60 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 vòng đeo tay bằng các hạt tròn kim loại màu vàng, khối lượng 11,24 gam, 01 dây chuyền dạng

xoắn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 32,43 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng 41,68 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ610” “GJ” và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 36,22 gam, trên phần móc khoá có dòng chữ “PPJ.610”.

3.2. Trả lại cho bị cáo Trần Phước Đ 01 (Một) điện thoại iPhone, IMEI 356457101813246; nhưng giữ để đảm bảo thi hành phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

3.3. Trả lại cho bị hại ông Dương Văn N 03 (Ba) sổ theo dõi hợp đồng cầm đồ của tiệm cầm đồ Hải Nam từ ngày 02/12/2022 đến ngày 17/1/2023.

Các vật chứng đang bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 18/BB-CTHADS ngày 10/11/2023

4. Án phí sơ thẩm:

Bị cáo Trần Phước Đ nộp 20.780.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) gồm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 20.580.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (05/01/2024), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR-VT;
- THAHS tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Bắc

